

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Mở rộng tuyến đường xuất nhập khẩu cửa khẩu song phương Chi Ma, huyện Lộc Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành số 229/BC-STC ngày 12/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Mở rộng tuyến đường xuất nhập khẩu cửa khẩu song phương Chi Ma, huyện Lộc Bình.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý cửa khẩu thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: cửa khẩu song phương Chi Ma, huyện Lộc Bình.

4. Thời gian khởi công: tháng 09/2022; thời gian hoàn thành: tháng 8/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	4.227.966.000	4.030.796.000

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Giá trị quyết toán được phê duyệt
2	Chi phí xây dựng	3.095.166.668	3.033.312.000
3	Chi phí thiết bị	628.740.200	614.639.000
4	Chi phí quản lý dự án	102.675.499	81.714.000
5	Chi phí tư vấn ĐTXD	300.973.599	282.218.000
6	Chi phí khác	45.471.537	18.913.000
7	Chi phí dự phòng	54.938.497	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt sau điều chỉnh	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	4.227.966.000	4.030.796.000	3.519.464.000	511.332.000	0
1	Vốn đầu tư công:	0	0	0	0	0
2	Nguồn vốn đầu tư khác: vốn được trích lại theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm phân chia sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.	4.227.966.000	4.030.796.000	3.519.464.000	511.332.000	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số:	4.030.796.000	0		
1. Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)	4.030.796.000	0		
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		4.030.796.000	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	0	
-	Nguồn vốn đầu tư khác: vốn được trích lại theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm phân chia sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.	4.030.796.000	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 511.332.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

a) Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
	Trung tâm Quản lý cửa khẩu, trong đó:	4.030.796.000	0
1	Đường giao thông:	2.107.479.000	0

2	<i>Trạm kiểm soát:</i>	1.923.317.000	0
---	------------------------	---------------	---

b) Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, Giám đốc Trung tâm Quản lý cửa khẩu thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh